

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05/5/2023

V/v “Tranh chấp về ly hôn,
Và nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Bá Cường.

2. Bà Trần Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Danh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về “*Tranh chấp về ly hôn, con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trình Thị V, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn TY, xã SV, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

* Có mặt

- Bị đơn: Anh Hà Văn H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn TP, xã QL, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

* Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn: *Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/02/2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trình Thị V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trình Thị V và anh Hà Văn H là vợ chồng hợp pháp, tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 29/6/2018 tại UBND xã QL, huyện Nông Sơn. Trong quá trình chung sống, chị V và anh H phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân, do anh H bài bạc và không lo làm ăn, không chăm lo cuộc sống gia đình. Nay chị V thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Văn H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hà Bảo T, sinh ngày 30/5/2018 và Hà Nhật H1, sinh ngày 11/7/2020. Khi ly hôn chị V có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Hà Văn H:* Trong quá trình giải quyết vụ án anh Hà Văn H đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H không hợp tác, cũng không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt anh H.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn phát biểu ý kiến:*

- Về phần thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cố tình vắng mặt đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn của của chị Trình Thị V.

Về hôn nhân: Cho cho Trình Thị V được ly hôn với anh Hà Văn H.

Về con chung: Giao cháu T và cháu H1 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên; do chị V không yêu cầu nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Hà Văn H có địa chỉ tại thôn TPh, xã QL, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam; Chị Trình Thị V có quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Hà Văn H. Nay chị V khởi kiện xin ly hôn với anh H nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp về ly*

hôn, nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 2 Điều 227 và Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đúng trình tự thủ tục tố tụng cho đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Hà Văn H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không có lý do và không có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trình Thị V và anh Hà Văn H tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã QL, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2018 ngày 29 tháng 6 năm 2018. Quá trình giải quyết vụ án, chị V cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H bài bạc, nợ nần, không lo làm ăn, không chăm lo cuộc sống gia đình, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị V làm đơn yêu cầu được ly hôn anh H.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị V và anh H tại địa phương, bà Hồ Thị Ý N, Phó chủ tịch Hội phụ nữ xã QL cho biết: Chị Trình Thị V và anh Hà Văn H trong quá trình chung sống Hội liên hiệp phụ nữ xã QL không biết giữa chị V và anh H có xảy ra mâu thuẫn, vì khi xảy ra mâu thuẫn chị V không có đơn trình báo với chính quyền địa phương.

Còn theo lời khai bà Phạm Thị Hồng B, là mẹ ruột anh Hà Văn H cho biết: Giữa chị V với anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau; nguyên nhân, anh H đi làm ăn ở xa nhưng không đem tiền về để chị V nuôi con, anh H không quan tâm đến gia đình nên chị V bồng hai con về mẹ ruột sinh sống mấy tháng nay. Tuy chị V và anh H không còn chung sống với nhau nữa, nhưng thỉnh thoảng chị V vẫn gửi hai cháu cho bà B giữ mỗi khi chị V bận công việc.

Tại phiên tòa chị V vẫn cương quyết xin ly hôn, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị V và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V là phù hợp.

[4]. Về con chung: Chị V và anh H có hai con chung tên Hà Bảo T, sinh ngày 30/5/2018 và Hà Nhật H1, sinh ngày 01/7/2020. Khi ly hôn chị V có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H không trình bày ý kiến của mình. Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại cháu T và cháu H1 đang được chị V nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục nên để chị V tiếp tục chăm sóc sẽ tốt hơn cho sự phát triển toàn diện của cháu T và cháu H1. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu T và cháu H1, Hội đồng xét xử

căn cứ các Điều 81 và 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xử: Giao cháu T và cháu H1 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xử buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Trình Thị V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trình Thị V về việc "*Ly hôn và giải quyết con chung*" với anh Hà Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trình Thị V được ly hôn với anh Hà Văn H.

2. Về con chung: Giao 2 cháu Hà Bảo T, sinh ngày 30/5/2018 và Hà Nhật H1, sinh ngày 01/7/2020 cho chị Trình Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Hà Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng chị Trình Thị V phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị V đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003081 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo gửi lên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam để yêu cầu xét xử

theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Nông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nông Sơn;
- UBND xã QL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Tam